

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1481/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về
việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên
thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành
chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện, UBND xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2217/TTr-SNN ngày 16 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung 08 thủ tục hành chính:

- Cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung 07 thủ tục hành chính: thủ tục hành chính mã: 1.004915 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022*. Thủ tục hành chính mã: 1.004918, 1.004913, 1.004697, 1.004692, 1.004359 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020*. Thủ tục hành chính mã: 1.004694 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021*.

- Cấp huyện sửa đổi, bổ sung 01 thủ tục hành chính: thủ tục hành chính mã: 1.004478 lĩnh vực thủy sản đã được ban hành tại *Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020*.

(Thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác tại *Quyết định 299/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020*, *Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2021*, *Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022* vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai thủ

tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật công khai thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện điều chỉnh nội dung cấu hình quy trình điện tử đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Quyền Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý ¹	Ghi chú ²
1.	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở mới; 10 đầu điều kiện ngày làm việc, kể từ ngày sản xuất thực phẩm xử nhân đầu lý môi nuôi - Trồng trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Trưởng hợp cấp mới: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Trưởng hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.	Mức thu phí 5.700.000 đồng/ lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại trong phạm vi tỉnh, cả nhân để thẩm chi theo tế, hợp quy định).	- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019; của Chính phủ quy định - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

¹ Phần chữ được in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

² Đã được công khai trên cổng dịch vụ công Quốc gia <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-the-thu-tuc-hanh-chinh.html>

2. 1.004918	<p>Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương đường thủy giống (trừ cơ sở sản xuất, ương đường thủy giống sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương đường thủy giống sản bố mẹ, thời gian ương đồng giống hồ sơ vụ ương, ương đồng giống hồ sơ vụ ương, ương đồng giống hồ sơ vụ ương)</p>	<p>- <i>Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</i> - <i>Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</i></p>	<p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.donngnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.</p>	<p>Chưa có văn bản quy định</p>	<p>- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>
-------------	--	--	---	--	---------------------------------	--	--

3.	1.004913	Cấp giấy chứng nhận điều kiện nuôi trồng sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc, từ ngày đủ hồ sơ	<p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)</p> <p>- Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.donnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn</p>	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.	Chưa có bản quy định	<p>- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017;</p> <p>- Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019;</p> <p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p>	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
4.	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện nuôi trồng sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc từ ngày đủ hồ sơ	<p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)</p> <p>- Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.donnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn</p>	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.	Chưa có bản quy định	<p>- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017;</p> <p>- Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019;</p> <p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p>	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

5.	1.004692	Cấp, cấp lại giấy đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.don.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.	Chưa có văn bản quy định	- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
6.	1.004359	Cấp, cấp lại giấy khai thác thủy sản	06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.don.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản Đồng Nai.	Lệ phí cấp mới 40.000đồng/g/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02-11-2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

7.	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	06 ngày làm việc	<p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: Số 518, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)</p> <p>- Nộp trực tuyến tại địa chỉ</p> <p>https://dichvucong.donmai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn</p>	- Cơ quan giải quyết thủ tục cấp tỉnh.	Chưa có bản quy định	<p>- Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017;</p> <p>- Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019;</p> <p>- Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p>	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
----	----------	------------------------------	---------------------	--	--	----------------------	--	--

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý ³	Ghi chú ⁴
1.	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	06 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, phố Biên Hòa, Long Khánh	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, thành phố.	Chưa có văn bản quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 08/2017/QH14 ngày 21-11-2017; - Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08-03-2019; - Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; 	Nội dung sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1213/QĐ-BNN-ITS ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

³ Phân chữ được in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

⁴ Đã được công khai trên cổng dịch vụ công Quốc gia <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh.html>